BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM/ *SUMMARY OF TEST RESULTS*

CÔNG TRÌNH/ *PROJECT* : SUGARCANE - THAO DIEN

STT *No.*	Ký hiệu hố khoan *Borehole Number*	Ký hiệu mẫu *Sample Name*	Độ sâu lấy mẫu (m) *Depth of Sample*	Thành phần hạt *Particle Size Distribution (%)*								Độ ẩm tự nhiên, W *Natural Moisture Content* %	Độ ẩm giới hạn dẻo *Plastic limit, Wp* %	Độ ẩm giới hạn chảy *Liquid limit, WL* %	Chỉ số dẻo *Plastic index* Ip	Độ sệt *Water Plast Ratio* B	KLTT tự nhiên *Wet Unit Weight* g/cm³	KLTT khô *Dry Unit Weight* g/cm³	Khối lượng riêng *Specific Gravity* g/cm³	Độ rỗng *Porosity* (%)	Hệ số rỗng *Void Ratios* -	Sức chống cắt phẳng *Direct Shearing Strength*			Thí nghiệm 3 trục UU *UU Triaxial Test*		Thí nghiệm 1 trục *Unconfined Compression Test*		Tính nén lún *Compressibility*								
				Sét *Clay*	Bụi *Dust*	Cát *Sand*			Sỏi sạn *Cobble*													Lực kháng cắt *Shearing Stress* τ (kG/cm²)			Góc ma sát trong *Angle of Friction* (deg.)	Lực dính *Cohesion* KG/cm²	φu (deg.)	Cu kG/cm²	Qu kG/cm²		Hệ số nén lún *Coefficient of Compressive* (cm²/kG)			Hệ số rỗng *Void Ratios*			Hệ số cố kết *Coefficient of Consolidation*		Áp lực tiền cố kết *Preconsolidation Pressure*	
				<0.005	0.005-0.01	0.01-0.05	0.05-0.1	0.1-0.25	0.25-0.5	0.5-2.0	2.0-5.0	5.0-10.0	10.0-20.0																									
37	BH2	UD2-10	20.0 -20.5																																			
38	BH2	UD2-11	22.0 -22.5	32	4	5	4	16	24	15	0	0	0	16.4	17.0	33.0	16.0	-0.04	2.12	1.82	2.68	32.04	0.471															
39	BH2	UD2-12	24.0 -24.5	15	2	12	42	26	4	0	0	0	0	22.0	15.0	30.0	15.0	0.47	2.00	1.64	2.67	38.60	0.629	0.499	0.841	1.183	18 ° 52	0.16			7 ° 7	0.200																		